

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA GIÁO PHẬN THÁI BÌNH

Tóm tắt: So với các giáo phận thuộc Tổng Giáo phận Hà Nội, Giáo phận Thái Bình là một trong những giáo phận ra đời muộn hơn. Trước khi tách lập thành giáo phận riêng (1936), vùng đất thuộc Giáo phận Thái Bình ngày nay lần lượt thuộc Giáo phận Đông Đàng Ngoài (1679), Giáo phận Trung (1848), sau đổi thành Giáo phận Bùi Chu (1924). Giáo phận Thái Bình là một trong những giáo phận thuộc sự cai quản của dòng truyền giáo Đa Minh thời gian cho đến năm 1954. Dòng Đa Minh tạo cho Giáo phận Thái Bình một số đặc điểm tiêu biểu mang đậm dấu ấn của Dòng về tổ chức giáo xứ, giáo họ, về đời sống tôn giáo. Hiện nay, Giáo phận Thái Bình có thêm đặc điểm gắn bó, đồng hành cùng dân tộc. Đó là những nội dung mà bài báo đề cập.

Từ khóa: Đa Minh, tổ chức giáo xứ, giáo họ, đời sống tôn giáo.

Dẫn nhập

Công giáo được truyền vào Thái Bình từ năm 1638, nhưng Thái Bình lại là một trong những giáo phận được thành lập muộn trong số 10 giáo phận thuộc Tổng Giáo phận Hà Nội (1936). Sau khi được thành lập, Giáo phận Thái Bình không ngừng xây dựng tổ chức, phát triển nhân sự, xây dựng cơ sở vật chất, thành lập giáo xứ, giáo họ, dòng tu.

Là một trong 26 giáo phận của Giáo hội Công giáo Việt Nam, Giáo phận Thái Bình có địa giới bao gồm toàn tỉnh Thái Bình và một phần tỉnh Hưng Yên. Đây là địa bàn thuộc đồng bằng châu thổ Sông Hồng, có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước nói chung và của vùng Đồng bằng Sông Hồng nói riêng.

Trước khi Công giáo có mặt ở Thái Bình, Hưng Yên, nơi đây đã có một đời sống văn hóa, tôn giáo, tâm linh phong phú. Chính đặc điểm

* Khoa Tôn giáo học, Học viện Khoa học Xã hội.

Ngày nhận bài 23/01/2017; Ngày biên tập 13/02/2017; Ngày duyệt đăng: 20/02/2017.

về địa kinh tế, văn hóa, tôn giáo đã có tác động không nhỏ đến đặc điểm của Công giáo ở Giáo phận Thái Bình. Đặc điểm của Giáo phận Thái Bình còn bị quy định bởi ảnh hưởng vai trò của các đoàn truyền giáo, nổi bật là ảnh hưởng của dòng Đa Minh. Tất cả những yếu tố đó đã tạo cho Giáo phận Thái Bình những đặc điểm riêng về tổ chức và đời sống tôn giáo. Bài viết này trình bày một số đặc điểm về tổ chức và đời sống tôn giáo của Giáo phận Thái Bình.

1. Mang dấu ấn của dòng truyền giáo Đa Minh

Công cuộc truyền giáo nhằm phát triển Công giáo ở Thái Bình thời gian đầu thuộc về Dòng Tên. Ngoài ra, còn có sự tham gia của dòng Donbosco, dòng Augustino trong một số giai đoạn. Song vai trò phát triển Công giáo ở Giáo phận Thái Bình chủ yếu thuộc về dòng Đa Minh.

Năm 1679, Tòa Thánh La Mã chia địa phận Đông Đàng Ngoài thành: Đông Đàng Ngoài và Tây Đàng Ngoài lấy sông Hồng và sông Lô làm ranh giới. Từ năm 1757, địa phận Đông Đàng Ngoài được Tòa Thánh giao cho dòng Đa Minh quản lý.

Địa phận Đông Đàng Ngoài là một vùng rộng lớn, bao gồm các giáo phận được tách lập sau này như: Giáo phận Trung (1848), năm 1924 đổi thành Giáo phận Bùi Chu, Bắc Ninh (1885), Hải Phòng (1924), Thái Bình (1936), Lạng Sơn (1915-1939). Cho đến đầu thế kỷ 20, những tỉnh thuộc địa phận Đông Đàng Ngoài có đông giáo dân là: Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Bắc Ninh. Tuy nhiên, địa phận Bùi Chu (bao gồm hầu hết tỉnh Nam Định, tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên) là địa phận mà đời sống đạo của giáo dân có những nét nổi bật, có thể lấy đó làm đại diện cho các địa phận thuộc dòng Đa Minh quản lý¹.

Kể từ thời điểm năm 1757, thời điểm mà dòng Đa Minh được La Mã giao cho cai quản địa phận Đông Đàng Ngoài đến năm 1954, khi các giáo sĩ của Dòng rút khỏi các giáo phận bên Đông, thời gian là 197 năm. Trong thời gian gần 2 thế kỷ cai quản, dòng Đa Minh để lại nhiều dấu ấn lên các giáo phận do Dòng cai quản trong đó có vùng đất thuộc Giáo phận Thái Bình.

Về dòng Đa Minh, cuốn *Từ điển Công giáo* viết: Đa Minh là dòng thuyết giáo, do Thánh Đa Minh (1170-1221) thành lập. Hình thức của

dòng được ổn định nhờ hai Tổng Đại hội tổ chức ở Bolonge năm 1220 và 1221; còn gọi là dòng Tu sĩ thuyết giáo và ở nước Anh gọi là dòng Tu sĩ Áo đen. Dòng tập trung rao giảng và dạy dỗ, đây là dòng khấn trọng đầu tiên lấy lao động trí óc thay lao động chân tay. Theo yêu cầu của Thánh Đa Minh, nhà dòng phải sống đức nghèo khó, không những với tư cách cá nhân mà với tư cách tập thể. Năm 1475, Giáo hoàng Xitô IV rút lại luật khó nghèo tập thể và cho phép nhà dòng giữ tài sản và có nguồn lợi tức thường xuyên².

Về hoạt động truyền giáo của dòng Đa Minh tại Việt Nam, tác giả Đào Trung Hiệu cho biết: “Thời điểm chắc chắn khởi sự việc loan báo Tin Mừng tại Việt Nam là năm 1550. Năm này giáo sĩ Gaspar de Santa (OP, Bồ Đào Nha) từ Malaca đã đến Cần Cỏ, Hà Tiên giảng đạo, 5 năm trước khi đến Quảng Đông. Giáo sĩ Gaspar de Santa là người sáng lập tỉnh dòng Đa Minh Santa Cruz Malaca để truyền giáo cho vùng Đông Nam Á”³.

Dòng Đa Minh là dòng tham gia truyền giáo đầu tiên ở Đàng Trong và Chân Lạp (Nam Bộ) trong khoảng thời gian từ năm 1550 đến năm 1631. Tuy nhiên, công cuộc truyền giáo trong thời gian này không đạt mấy kết quả. Ở Đàng Ngoài, giáo sĩ dòng Đa Minh có mặt muộn hơn so với Dòng Tên. Ngày 9/9/1659, Tòa Thánh La Mã ban hành Sắc chỉ thành lập 02 giáo phận đầu tiên ở Việt Nam: Giáo phận Đàng Trong và Giáo phận Đàng Ngoài dựa theo ranh giới Đàng Trong và Đàng Ngoài do Trịnh - Nguyễn phân tranh. Giám mục Giáo phận Đàng Ngoài Francico Pallu đã mời giáo sĩ dòng Đa Minh ở Manila (Philippines) cử giáo sĩ Juan de Santa Cruz và giáo sĩ Juan Arjona rời Manila cuối năm 1675 để đến ngày 7/5/1676 đến Phố Hiến (Hưng Yên) đánh dấu sự có mặt của các giáo sĩ dòng Đa Minh ở Đàng Ngoài⁴.

Trong thời gian cai quản Giáo phận Đông, dòng Đa Minh để lại cho cộng đồng Dân Chúa ở các giáo phận nơi đây nhiều dấu ấn. Trước hết, Thánh Đa Minh tổ phụ của Dòng được đặt làm Thánh Quan thầy đầu dòng. Lễ kỷ niệm vào ngày 8/8 hàng năm. Lễ kỷ niệm Thánh Quan thầy đầu dòng là một đại lễ lớn - một lễ trọng của các giáo phận thuộc dòng Đa Minh cai quản. Sau này khi tách khỏi Giáo phận Bùi Chu thành lập giáo phận riêng (năm 1936), theo lệ, người Công giáo Thái Bình vẫn về Nhà thờ Chính tòa Giáo phận Bùi Chu để tham gia

đại lễ. Do điều kiện đi lại khó khăn, người Công giáo Thái Bình thường về trước ngày lễ ít nhất 1 ngày.

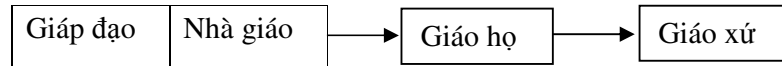
Dòng Đa Minh là dòng đề cao lòng sùng kính Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Chính lòng sùng kính này có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống tôn giáo của cộng đồng giáo dân Giáo phận Thái Bình. Ngoài những Thánh lễ được tổ chức ở Thánh đường theo quy định chung của Giáo hội Công giáo, có thể thấy ở các nhà thờ Công giáo Việt Nam dòng Đa Minh còn có những hình thức tưởng niệm một số biến cố trong cuộc đời Chúa Giêsu và Thánh nữ Maria như: tổ chức ngắm đền Thánh giá; múa hát dâng hoa lên Thánh nữ Maria (tháng 5); ngắm nguyện, lần hạt mân côi (tháng 10), đặc biệt là nghi thức tưởng niệm vào Mùa Chay Thánh với đỉnh điểm là Lễ Phục sinh.

Dấu ấn của dòng Đa Minh còn thể hiện ở việc thành lập giáo xứ, giáo họ, đời sống tôn giáo mang tính đặc thù.

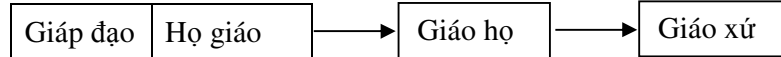
2. Những nét đặc thù trong tổ chức giáo xứ, giáo họ

Nhìn một cách tổng quát, quá trình hình thành giáo xứ, giáo họ ở Giáo phận Thái Bình cơ bản giống với quá trình hình thành giáo xứ, giáo họ của các giáo phận khác của Công giáo ở Việt Nam, nhất là các giáo phận ở miền Bắc. Thời kỳ đầu, giáo xứ là một vùng rộng lớn. Trải thời gian khi công cuộc truyền giáo thu được kết quả, số giáo dân ngày một nhiều lên, các thừa sai lập ra các giáo xứ, giáo họ mới có thể là một huyện hoặc một vài huyện. Từ cuối thế kỷ 18, đặc biệt từ nửa cuối thế kỷ 19 trên địa giới Giáo phận (gồm tỉnh Thái Bình và một phần tỉnh Hưng Yên) xuất hiện ngày càng nhiều làng Công giáo toàn tông. Nhận ra vị trí, vai trò của làng Việt truyền thống, các giáo sĩ dựa vào đó, lập ra các giáo xứ, giáo họ. Địa giới của làng được lấy làm địa giới của giáo xứ hoặc giáo họ. Ở những làng lớn có toàn bộ hay hầu hết cư dân gia nhập Công giáo (làng Công giáo toàn tông) nếu được chọn để lập giáo xứ thì mỗi xóm được lập một giáo họ.

Điểm xuất phát của quá trình hình thành giáo xứ bắt đầu từ việc hình thành giáp đạo. Ở các giáo phận thuộc Hội Thừa sai Paris quản lý nơi giáp đạo có nhà giáo dùng làm nơi dạy kinh bản cho tân tông và nơi cầu nguyện. Trên cơ sở đó, giáo họ ra đời, sau đó đến việc thành lập giáo xứ.

Sơ đồ 1: Quá trình hình thành giáo xứ thuộc Hội Thừa sai Paris

Trong khi đó, ở các giáo phận thuộc dòng Đa Minh (có Giáo phận Thái Bình) thay vì Nhà giáo là họ giáo⁵.

Sơ đồ 2: Quá trình hình thành giáo xứ thuộc dòng Đa Minh

Do đặc thù của công cuộc truyền giáo của Công giáo ở Việt Nam, mỗi giáo xứ có một số họ đạo lẻ. Họ đạo nơi có nhà thờ xứ được gọi là họ Trị sở hay họ đầu xứ. Để tiện cho việc coi sóc bản đạo mỗi giáo họ, các giáo sĩ còn lập ra một tổ chức nhỏ hơn, với các giáo phận thuộc Hội Thừa sai Paris là *dâu đạo*, còn với các giáo phận thuộc sự cai quản của dòng Đa Minh là *tích* hoặc *lân*.

Một điểm khác biệt của mô hình tổ chức giáo hội cơ sở của dòng Đa Minh là do xứ đạo là một vùng rộng lớn với hàng chục giáo họ, để tiện cho việc coi sóc tín đồ, các thừa sai dòng Đa Minh tập hợp một vài họ đạo gần nhau thuộc một giáo xứ lập ra khu đạo. *Sử ký địa phận Trung viết*: “Xứ nào rộng lắm, thì thường được chia làm hai, ba khu mà mỗi khu thường có một thầy cả ở cho tiện để coi sóc”⁶.

Quá trình phát triển Công giáo ở Việt Nam trong những điều kiện như thiếu linh mục coi sóc giáo dân, rồi bị chính quyền Lê-Trịnh, sau này là nhà Nguyễn cấm đạo. Ngay từ thời sơ khởi, Alexandre De Rhodes (Đắc Lộ) đã chọn một số giáo dân có lòng đạo đức, sốt sắng việc đạo, có khả năng hiểu biết trợ giúp. Đó là tiền thân của tổ chức Thầy giảng. Trong bộ phận Thầy giảng, các giáo sĩ chọn những người ưu trội đi theo đến các làng mạc để truyền giáo. Một bộ phận trong số này được chọn đi học ở Đại chủng viện. Một bộ phận thầy giảng ở tại làng xã dần dần hình thành nên một tổ chức với các chức vụ, kèm theo đó là những nhiệm vụ khác nhau.

Về tên gọi tổ chức giáo dân trong họ đạo và tên gọi chức vụ trong tổ chức này giữa các giáo phận thuộc sự quản lý của dòng Đa Minh có khác với các giáo phận thuộc Hội Thừa sai Paris cai quản. Đối với các họ đạo thuộc dòng Đa Minh, *Sử ký địa phận Trung viết*: “Mỗi họ cũng có hội riêng về họ ấy. Có 2 ông coi sóc là Chánh, phó trùm đứng đầu,

lại có ông Thư ký và ít nhiều việc khác y như trong hội chung bản xứ vậy. Mỗi một họ lại cất một vài người đàn anh có lòng ngoan đạo, sốt sắng làm trợ mạnh để coi sóc kẻ liệt về phần linh hồn, ấy là để giúp kẻ liệt năng dọn mình ăn mảy các phép Sacramento cho phải phép. Cùng lo liệu rước đáng thầy cả đến làm các phép Sacramento cho kẻ ấy và khi có kẻ liệt nào mong rình sinh thì mà chẳng có đáng thầy cả ở đấy, thì kẻ coi sóc phải giúp cùng đọc kinh phó linh hồn cho nó.

Lại trong mỗi một họ thì chọn lấy một ông và một bà có phần tỉnh táo kinh sách và có lòng sốt sắng, ngoan đạo mà đặt làm ông trưởng, bà trưởng để coi sóc các trẻ trong họ và dạy kinh, cùng đưa chúng nó đến nhà thờ đọc kinh chung tối sớm, và coi sóc chúng nó khi đi khi về, cùng khi ở nhà thờ cho có phép tắc nghiêm trang. Lại nếu họ nào có đông trẻ lắm, thì chẳng những đặt một ông trưởng, một bà trưởng mà thôi, mà lại càng nhiều hơn”⁷.

Như vậy, với các giáo phận thuộc sự cai quản của dòng Đa Minh ở các giáo họ có chức ông trưởng, bà trưởng coi sóc con trẻ, dạy kinh bốn... trong khi công việc này ở các giáo phận thuộc sự cai quản của Hội Thừa sai Paris lại thuộc về chức vụ quản giáo (ông quản, bà quản).

Tên gọi, vai trò của các tổ chức giáo dân trong giáo xứ thuộc các giáo phận dòng Đa Minh cai quản cũng có một số khác biệt so với các giáo xứ thuộc các giáo phận do Hội Thừa sai Paris cai quản. Theo *Sử ký địa phận Trung*: “Trong các xứ hay là hầu hết các xứ về cả địa phận thường có một hội chung quen gọi là Hàng phủ hay Hàng xứ, tùy từng nơi có những người hòa mục về các bản xứ vào trong những hội chung ấy. Vậy việc chung ấy là thu xếp các việc chung trong cả bản xứ, hoặc là việc đời, hoặc là việc đạo, như khi làm lễ nào trọng thể, hay là việc gì khác, có cả bản xứ phải thông công. Thường các hội chung này có một người là Chánh Trưởng về một trong hai người làm Phó Trưởng, lại có một người khác quen gọi là Thư ký giữ sổ thu tiêu, mà đừng kể hai ông Chánh, Phó trưởng và ông Thư ký, thì lại có ít nhiều ông khác có chức nọ, chức kia trong hội chung ấy mặc đòi việc coi giữ cho các ông ấy, và khi hội đồng bàn soạn hay làm việc chung gì bản xứ thì phải cứ thứ tự trên dưới từng bậc ai nấy”⁸.

Vậy là, tên gọi tổ chức giáo dân trong giáo xứ ở các giáo phận thuộc dòng Đa Minh là: Hội Hàng phủ hay Hội Hàng xứ, trong khi ở Hội Thừa sai Paris là Ban Hành giáo xứ.

Ở mỗi giáo xứ, giáo họ của các giáo phận cơ sở đều có một loại hình tổ chức tập hợp giáo dân được gọi là hội đoàn. Hội đoàn Công giáo ở Việt Nam có nguồn gốc phức tạp và đa dạng. Thời kỳ đầu, hội đoàn được gọi là họ hay họ Thánh là để phân biệt với các phường, họ xã hội, phân biệt với họ tộc, chẳng hạn như họ Đoàn, họ Hà...

Tài liệu thành văn ghi lại, hội đoàn xuất hiện sớm nhất là hội Rôsarior. Theo lời Cha Chính Thập (Juan de Santa Cruz) trong thư trình bệ trên dòng Đa Minh ở Manila (Philippines) đề ngày 9/12/1706, thì vào thời điểm 1678 Thừa sai Thập đã lập được họ Rôsarior ở trong nhiều làng và lập được một họ ấy ở Kinh Đô gọi là Kẻ Chợ⁹. “Giáo dân, đặc biệt là những người trong họ Rosariô rất kính chuộng kinh lần hạt Rôsarior. Theo Thừa sai Thập kể lại, ngày nào anh em nhà và bốn đạo cũng hội nhau ở nhà thờ mà đọc chung đủ một tràng trăm rưỡi, cùng nguyện ngắm đủ nửa giờ. Thừa sai Thập đã dạy cho người dân đọc Kinh, lần hạt chung, chia ra hai bè để đọc, dịch ra tiếng Việt 15 ngắn Rôsarior, kể ra nhiều tích và các phép Indu họ Rôsarior, đặt tên là sách *Vườn Hoa*. Theo một Thư chung gửi bốn đạo thuộc dòng Đa Minh, năm 1798 thì đã có thể thức về việc lập họ Rôsarior”¹⁰.

Tư liệu trên cho thấy các thừa sai thuộc dòng Đa Minh là người đi đầu trong việc lập Hội đoàn Công giáo. Một trong những Hội đoàn được dòng Đa Minh lập sớm nhất ở địa bàn truyền giáo của dòng là hội Rôsarior. Từ đây, hội đoàn Rôsarior phát triển ra các giáo phận thuộc Hội Thừa sai Paris cai quản¹¹. Trong một Thư chung gửi bốn đạo đề ngày 24 tháng 8 năm 1899, Phêrô Maria Đông (Gendreuau) Giám mục Giáo phận Tây Đàng Ngoài viết: “Bởi vì họ Rôsarior hầu hết là dòng ông Thánh Duminhgo đã lập, thì cha định rằng: từ rày về sau chỉ có bè trên chung dòng ấy sẽ được phép lập họ ấy trước khi ra luật này, thì phải xin người ban bằng cấp nhận lại trước tháng October (tháng 10) năm 1899 mới được ăn mừng các ơn sâu rộng và các Indu Tòa Thánh đã ban cho họ Rôsarior xưa nay”¹².

Những hình thức tổ chức đặc thù giáo xứ, giáo họ của Giáo phận Thái Bình hiện một số tên gọi, chức vụ vẫn được duy trì cho đến hiện

nay dù có một thời gian dài từ năm 1954 đến khoảng năm 1980, do điều kiện và hoàn cảnh khác nhau đã không còn tồn tại. Hiện tại, tổ chức Hội Hàng phủ/Hàng xứ không còn, được thay bằng tên gọi Hội đồng giáo xứ nhưng các tên gọi Trùm, Trương... vẫn thấy ở các giáo xứ thuộc Giáo phận. Điều này được thể hiện trong cuốn *Chỉ nam Giáo phận Thái Bình*. Phần nội dung Hội đồng giáo xứ được thể hiện trong mục: *Chỉ nam Hội đồng giáo xứ*. Theo đó, các nội dung như chức năng, nhiệm vụ, thành phần... của Hội đồng giáo xứ như sau:

Điều 3: Hội đồng giáo xứ (HĐGX) hay Hội đồng Mục vụ giáo xứ là cơ chế gồm những giáo dân thuộc giáo xứ, được mời gọi và tuyển chọn để hiệp lực cộng tác với linh mục chính xứ trong việc quản trị giáo xứ, tổ chức và điều hành các sinh hoạt mục vụ, xây đắp tình liên đới và sự hiệp thông, giải quyết những vấn đề, giải tỏa những bất đồng, v.v..

Mục đích nhằm góp phần xây dựng giáo xứ thành một cộng đồng sống, làm chứng và loan báo Tin Mừng, yêu thương và phục vụ mọi người (GL.537).

Quyền của HĐGX: HĐGX chỉ có quyền tư vấn và được điều hành theo các quy tắc do Giám mục Giáo phận đã ấn định (GL.536§2)

Thành phần Hội đồng giáo xứ:

HĐGX gồm: Ban Thường vụ và các ủy viên.

Ban Thường vụ HĐGX gồm:

1. Tất cả các chủ tịch các giáo họ.
2. Trong đó tuyển chọn 05 người giữ các chức vụ sau: Chủ tịch (Chánh trương), Phó 1: Phó trương nội vụ, Phó 2: Phó trương ngoại vụ, Thư ký, Thủ quỹ.
3. Các chủ tịch còn lại làm cố vấn hay ủy viên đặc trách các khối ban ngành.

Ủy viên HĐGX gồm:

1. Tất cả hay một số thành viên trong Ban Thường vụ của các giáo họ (số lượng tùy theo nhu cầu mục vụ của giáo xứ hay theo định lệ của cha xứ);
2. Các đặc trách các khối ngành chính của giáo xứ (xem khối ngành giáo xứ);

3. Đại diện các tu sĩ, nam nữ đang phục vụ tại các giáo xứ;
4. Tất cả hay một số các trưởng đoàn thể được thiết lập chính thức trong giáo xứ (xem khối đoàn thể).

Hội đồng giáo họ gồm:

1. Giáo xứ gồm nhiều giáo họ.
2. Giáo họ có số giáo dân khá đông, có giáo họ lên đến gần nghìn người, có nhiều hoạt động mục vụ sinh động không kém giáo xứ. Vì thế cơ chế giáo họ cũng cần tổ chức theo đúng quy chế HĐGX.
3. Thành phần Hội đồng giáo họ gồm: Ban Thường vụ và các ủy viên.
4. Ban Thường vụ giáo họ gồm: 05 người. Chủ tịch (trùm chánh), Phó đối nội (trùm Phó 1), Phó đối ngoại (trùm Phó 2), Thư ký, Thủ quỹ.

Ủy viên Hội đồng giáo họ gồm:

1. Các đặc trách các khối ngành chính (xem khối ngành giáo xứ);
2. Tất cả hay một số các đặc trách ban ngành trong giáo họ (theo nhu cầu công việc của giáo họ hay theo định liệu cha xứ);
3. Đại diện các tu sĩ nam nữ đang phục vụ tại khu, v.v..
4. Tất cả hay một số các trưởng đoàn thể thành lập chính thức trong giáo họ như Dòng ba Đa Minh, v.v..
5. Các khối ngành phục vụ giáo xứ.

Nếu mỗi hoạt động mục vụ của giáo xứ đều được xem như một ban, số ban ngành có thể lên đến hàng trăm. Vì thế cần hệ thống sắp xếp lại các ban ngành vào 5 khối chính như sau:

- Khối ngành giáo lý;
- Khối ngành phụng tự;
- Khối ngành phục vụ;
- Khối ngành đoàn thể;
- Khối ngành quản trị tài sản giáo xứ.

Cuốn *Chỉ nam Giáo phận Thái Bình* chỉ rõ từng ban trong các khối. Mỗi khối có từ 8-10 ban. Chỉ nam Giáo phận Thái Bình chỉ rõ nhiệm vụ chung của Ban Thường vụ cũng như các thành viên của Ban Thường vụ (chủ tịch, 2 phó chủ tịch, thư ký, thủ quỹ, các ủy viên)¹³.

Như vậy, nội dung *Chỉ nam Hội đồng giáo xứ* hay cuốn *Chỉ nam Giáo phận Thái Bình* một mặt cho thấy một số đặc thù về tổ chức giáo xứ, giáo họ vẫn được duy trì thời hiện tại. Mặt khác, quan trọng hơn một lần nữa Giáo phận Thái Bình lại đi đầu trong việc cụ thể hóa, chi tiết hóa tổ chức Hội đồng giáo xứ trên cơ sở Quy chế Hội đồng giáo xứ của Tổng Giáo phận Hà Nội ban hành.

3. Sự phong phú, đa dạng trong đời sống tôn giáo

Đời sống tôn giáo của Giáo phận Thái Bình hình thành phát triển gắn với đời sống tôn giáo của Giáo phận Trung, sau là Giáo phận Bùi Chu. Năm 1936, khi tách ra từ Giáo phận Bùi Chu, thành lập Giáo phận Thái Bình, về cơ bản đời sống tôn giáo của Giáo phận đã ổn định. Vì vậy, khi đề cập đến đời sống tôn giáo của Giáo phận Thái Bình trước hết là đề cập đến đời sống tôn giáo của giáo dân thuộc dòng Đa Minh. Viết về đời sống tôn giáo của giáo dân dòng Đa Minh, chúng tôi dựa vào bài viết: *Đời sống đạo của giáo dân Việt Nam thuộc dòng Đa Minh từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XX* của tác giả Nguyễn Hồng Dương¹⁴, tiếp theo là đời sống tôn giáo của riêng Giáo phận Thái Bình.

Được cai quản bởi các thừa sai dòng Đa Minh, một dòng truyền giáo có khuynh hướng thiên về cổ súy “lòng đạo đức bình dân” với những nghi thức và lối sống tôn giáo mang đậm tính hội nhập văn hóa ở các giáo phận thuộc dòng Đa Minh, đó là sự tiếp biến văn hóa làng.

Như trên đã đề cập, truyền giáo, phát triển Công giáo ở Việt Nam buổi đầu các giáo sĩ trong đó có các giáo sĩ thuộc dòng Đa Minh đã nhận ra vai trò và vị trí của làng Việt để từ đó các giáo sĩ đã “cấy” tổ chức giáo xứ, giáo họ vào làng Việt. Làng Việt được lấy làm địa dư của giáo xứ hoặc giáo họ. Tên làng được đặt tên cho giáo xứ, giáo họ. Một tổ chức trợ giúp linh mục chính xứ trong việc chăm sóc đời sống đạo của bốn đạo. Hội Hàng phủ/ Hàng xứ được mô phỏng theo tổ chức tự trị của làng / xã - Hội đồng Kỳ mục. Có thể kể rất nhiều giá trị văn hóa làng được cư dân / tín đồ Công giáo làng xã tái thu nhận, như: Thánh Quan thầy giáo xứ được xem như là Thành hoàng làng giáo (đối với làng Công giáo toàn tông). Ngày kỷ niệm Thánh Quan thầy được xem là ngày hội của làng. Ở đó vừa có lễ, vừa có hội. Lễ chính là Thánh lễ diễn ra nơi thánh đường. Hội là những cuộc đi kiệu rầm rộ

có thể chỉ diễn ra trong khuôn viên nhà xứ, cũng có thể là quanh làng đạo. Cuộc lễ có kiệu vàng (kiệu sơn son thếp vàng), trên kiệu là tượng Thánh Quan thầy. Tham gia lễ rước là ban nhạc, có giáo xứ / làng đạo chỉ có ban nhạc Nam (bát âm), có giáo xứ thêm ban nhạc Tây (kèn đồng). Ngoài ra, còn có múa trống (một số nơi gọi là trống nhảy), múa mõ. Lại có những hình tượng như mõ cá, chim phượng.

Lễ Thánh Quan thầy đầu dòng Đa Minh vào ngày 8/8 hàng năm ở nhà thờ Chính tòa Bùi Chu, lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội vào ngày 8/12 hàng năm là những cuộc lễ mang sắc thái của lễ hội vùng. Dù sau này tách ra thành giáo phận riêng (1936) nhưng giáo dân Giáo phận Thái Bình vẫn về Bùi Chu tham dự lễ Thánh Quan thầy đầu dòng và về xứ đạo Phú Nhai dự lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội - Thánh Quan thầy của Giáo phận. Đây là hai đại lễ bởi quy mô và sự hoành tráng. Ở một số cuộc lễ diễn ra tại giáo xứ Phú Nhai (Xuân Phương) còn có mô hình chim phượng, hình mõ cá, đặc biệt là mô hình thuyền, trên thuyền một nam thanh niên đóng vai Thừa sai dòng Đa Minh để diễn tả việc các thừa sai Đa Minh đi thuyền từ biển vào giảng đạo.

Cũng như các giáo phận khác ở miền Bắc, Giáo phận Thái Bình vào tháng 5, các giáo xứ đều tổ chức dâng hoa với các hình thức là múa hát và trò diễn. Điệu múa được cải biên từ dân vũ, trong khi giai điệu, lời hát được cải biên từ các làn điệu dân ca. Ngày nay, một số văn hoa cổ vẫn được lưu truyền ở không ít giáo xứ, giáo họ. Nhưng văn hoa được đặt lời và phổ nhạc thời hiện đại nhưng giai điệu vẫn phảng phất âm hưởng của các làn điệu dân ca.

Cả bốn Chủ nhật, các giáo xứ đều tổ chức dâng hoa. Chủ nhật cuối của tháng 5 được gọi là Chủ nhật rã hoa, kết thúc tháng hoa Đức Mẹ. Thông thường các giáo xứ vào ngày Chủ nhật này thường tổ chức “ăn tươi”, liên hoan rút kinh nghiệm. Không có một kịch bản cho múa hát dâng hoa. Vì vậy mỗi giáo xứ, giáo họ tùy từng khả năng mà có sự sáng tạo. Điều này làm cho nghi thức múa hát dâng hoa trở nên đa diện, đa sắc. Trong múa hát dâng hoa còn phải kể đến các trò như xếp chữ, xếp hình. Chẳng hạn xếp chữ A và M (chữ đầu của Ave Maria - Kính mừng Maria); xếp hình mỏ neo (tượng trưng Đức Mẹ niềm trông đợi), xếp hình ngôi sao (Đức Mẹ là ngôi sao biển). Xếp chữ, xếp hình nơi nhà thờ Công giáo ở các giáo xứ của Giáo phận Thái Bình nói

riêng và các giáo xứ ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ nói chung chính là kế thừa nghi thức này trong hội làng, hội chùa, hội đình, đền làng Việt.

Dưới ảnh hưởng của dòng Đa Minh, các giáo xứ của Giáo phận Thái Bình còn phụ thuộc vào Giáo phận Trung hay Giáo phận Bùi Chu và khi tách ra lập giáo phận riêng, lòng sùng kính Đức Mẹ còn biểu hiện ở những nghi lễ bình dân như lần chuỗi Mân Côi vào tháng 10. Tín đồ khi có việc hệ trọng thường đến bên tượng, ảnh Đức Mẹ để cầu xin. Ngày nay, ở nhiều giáo xứ dưới chân tượng Đức Mẹ Maria, người ta in sẵn những nội dung cầu xin để tín đồ có nhu cầu cầu xin những nội dung gì thì đánh dấu vào mục tương ứng. Cũng có khi người cầu xin tự viết ra giấy, sau nghi thức cầu xin thì “hóa” dưới chân tượng Đức Mẹ Maria. Có những giáo xứ, tượng Đức Mẹ Maria đặt giữa hồ nước nhỏ. Người đến cầu xin rải tiền xuống đó... Việc “hóa” lời cầu, hay rải tiền dưới chân Đức Mẹ Maria là ảnh hưởng của việc hóa sớ cầu an của người ngoài Công giáo.

Người Công giáo ở Giáo phận Thái Bình có các hình thức đón Tết Nguyên đán phong phú. Ở một số giáo xứ có lệ tế giao thừa nơi nhà thờ Công giáo. Sau năm 1954, do những điều kiện khách quan và chủ quan, hình thức này không còn thực hiện ở Thái Bình, nhưng giáo dân di cư vào Nam lại phục hồi và thực hiện¹⁵.

Nghi thức đón giao thừa trong thời hiện tại ở các giáo xứ của Giáo phận Thái Bình hiện có thêm những hình thức mới. Vào đêm 30, các giáo xứ tổ chức Thánh lễ. Sau Thánh lễ “Mừng tuổi Chúa”, giáo dân đến “Mừng tuổi Cha”. Một cuộc gặp mặt đầu xuân được tổ chức ở nhà xứ. Giáo dân chúc tụng nhau đầu năm và cùng “hái lời Chúa” mô phỏng theo hình thức hái hoa dân chủ. Trên cành đào, cành mận đầu xuân ở đó treo những mảnh giấy nhỏ mà ban tổ chức in sẵn những đoạn được trích trong Phúc âm. Giáo dân lần lượt lên “hái”. Giáo dân coi đoạn trích Phúc âm trong mảnh giấy mà mình “hái” được như là một định hướng để thực hiện trong năm.

Đời sống tôn giáo phong phú của Giáo phận Thái Bình còn thể hiện bởi các nghi thức thực hiện Mùa Chay Thánh. Đỉnh điểm là từ Chủ nhật lễ Lá tưởng niệm cuộc thương khó của Chúa. Các giáo xứ tổ chức ngắm đàng Thánh giá, lễ vọng Phục sinh và lễ Phục sinh với các hình thức sống động, nghi lễ phong phú. Nghi thức diễn xướng trong Tuần Thánh

trải thời gian đến nay vẫn được giáo dân Giáo phận Thái Bình duy trì, thực hiện. Tuy nhiên có một vài cải cách nhưng không đáng kể.

4. Gắn bó, đồng hành cùng dân tộc

Trở lại lịch sử trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, Giáo phận Thái Bình trải qua những biến cố về chính trị, để lại những hệ lụy trên con đường giáo hội đồng hành cùng dân tộc. Đó trước hết là những vụ việc xảy ra ở giáo xứ Cao Mại, giáo xứ Quỳnh Lang... Đó còn là việc di cư vào Nam năm 1954 của một bộ phận giáo dân và phần lớn giáo sĩ.

Sau ngày miền Bắc giải phóng một số giáo sĩ và một bộ phận nhỏ giáo dân thời gian đầu vẫn chưa kịp chuyển biến về mặt tư tưởng từ đó dẫn đến những việc làm sai trái như không tham gia phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, không hưởng ứng việc áp dụng khoa học kỹ thuật tăng năng suất. Nhưng cùng với thời gian những tư tưởng và hành động tiêu cực dần bị đẩy lùi. Trong phong trào xây dựng Chủ nghĩa xã hội, Thái Bình là địa phương đạt 5 tấn thóc/1ha đầu tiên. Ở các làng quê đạt được thành tựu trên có không ít các làng Công giáo/giáo xứ, giáo họ. Hàng ngàn con em Thái Bình là người Công giáo lên đường vào Nam đánh Mỹ góp phần giải phóng miền Nam. Nhiều người trong số họ được tặng thưởng huân, huy chương, danh hiệu dũng sĩ diệt Mỹ. Hàng trăm con em Thái Bình là người Công giáo đã hi sinh anh dũng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Đất nước thống nhất đi lên Chủ nghĩa xã hội, thực hiện đường hướng hành đạo được Hội đồng Giám mục Việt Nam qua Thư chung 1980 đề ra: “Sống phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào”, Công giáo ở Giáo phận Thái Bình từng bước vận hành gắn bó, đồng hành cùng dân tộc.

Sự chuyển biến bắt đầu từ hàng giáo sĩ. Đại đa số giáo sĩ của Giáo phận nhận thức đúng đắn quan điểm đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tôn giáo, yên tâm hành đạo. Một số linh mục tham gia các tổ chức chính trị xã hội. Có linh mục là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (Linh mục Trần Trung Hà), có linh mục là Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (Linh mục Đỗ Cao Thắng), Linh mục Nguyễn Văn Đạo tham gia Hội đồng nhân dân

huyện Kiến Xương. Một số linh mục tham gia Hội Chữ thập đỏ, Hội Khuyến học, Hội Sinh vật cảnh. Trước những vụ việc tôn giáo phức tạp diễn ra ở Giáo phận Hà Nội, Giáo phận Vinh, Giáo phận Huế tuyệt đại đa số giáo sĩ thuộc Giáo phận Thái Bình đồng tình với cách giải quyết của chính quyền.

Trên con đường vận hành theo đường hướng gắn bó, đồng hành cùng dân tộc của Giáo phận Thái Bình không thể không kể đến vai trò của vị Giám mục Nguyễn Văn Sang. Giám mục được Tòa Thánh La Mã bổ nhiệm Giám mục Chính tòa Giáo phận từ năm 1990 đến năm 2009 thì nghỉ hưu. Trong suốt thời kỳ quản trị Giáo phận, Giám mục thường xuyên có quan hệ gần gũi, thân mật và hợp tác, đối thoại với chính quyền từ tỉnh đến xã. Khi có công việc liên quan đến tôn giáo, giám mục đều hợp tác với chính quyền để giải quyết theo tinh thần ‘tốt đời đẹp đạo’ tránh không để xảy ra những xung đột không cần thiết. Giám mục cho phép các giáo sĩ dưới quyền tham gia vào các tổ chức chính quyền, tổ chức xã hội. Khi đất nước cũng như khi địa phương có những sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, giám mục thường có thông báo nhắc nhở giáo dân, giáo sĩ thực hiện như tham gia bầu cử các cấp, treo cờ Tổ quốc vào các ngày kỷ niệm, tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường. Ngoài ra, Giám mục còn có những hoạt động lên án những hành vi chống đối chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước Việt Nam. Trong việc đối thoại, hợp tác với chính quyền giải quyết những vụ việc phức tạp tránh xảy ra điểm nóng điển hình là vụ việc xảy ra ở giáo xứ Thanh Châu, xã Nam Thanh, huyện Tiền Hải. Sự việc diễn ra ngày 23/9/2002. Nguyên nhân do mâu thuẫn trong nội bộ Giáo hội, một số giáo dân ủng hộ linh mục xứ đã kéo đến tạo áp lực, đập phá tài sản của 11 gia đình giáo dân trong xứ, trị giá trên 500 triệu đồng. Giám mục Giáo phận 3 lần ra thông cáo kêu gọi linh mục, tu sĩ nam nữ và giáo dân sống yêu thương, tha thứ và hòa giải. Khi số người bị hại kéo lên Trung ương khiếu kiện, yêu sách gây rối an ninh trật tự, giám mục đã viết thư tay, giao cho linh mục xứ Thanh Châu lên tận nơi khuyên răn giáo dân trở về địa phương giải quyết. Việc làm trên góp phần quan trọng hòa giải vụ việc, ổn định tình hình tại địa bàn.

Có thể nói, giáo dân Giáo phận Thái Bình có ý thức chấp hành đường lối, chính sách, pháp luật của nhà nước, trình độ dân trí ngày một nâng cao, luôn hướng đến mục tiêu sống “tốt đời, đẹp đạo”. Thái Bình là địa phương khởi xướng và đi đầu trong việc xây dựng ‘điện, đường, trường, trạm’. Phong trào nhận được sự hưởng ứng tích cực của bà con giáo dân. Nhiều người tự hiến hàng chục m² đất để mở rộng đường. Đã có 8.272 hộ gia đình hiến trên 10.000 m² đất, góp 5.281 ngày công xây dựng công trình giao thông và các công trình phúc lợi công cộng. Người Công giáo ở Giáo phận Thái Bình ngày càng tích cực tham gia các công tác chính quyền, đoàn thể, mặt trận ở địa phương. Ý thức và trách nhiệm chính trị ngày một nâng cao. Tại tỉnh Thái Bình chỉ tính trong thời gian 14 năm (2000-2014) đã có thêm 257 đảng viên người Công giáo, nâng tổng số đảng viên người Công giáo đến thời điểm 2016 là 669. Phong trào đoàn thể (thanh, thiếu niên, phụ nữ, cựu chiến binh...) vùng Công giáo về cơ bản nhận được sự hưởng ứng tham gia của các tầng lớp nhân dân.

Giáo dân Giáo phận tích cực tham gia, hưởng ứng các phong trào tự phòng, tự quản, tự bảo vệ. Xuất hiện một số mô hình “địa bàn, dòng họ không có ma túy”, “thôn xóm, tổ dân phố, họ giáo tự quản an ninh trật tự”, “tổ tự quản an ninh giao thông”. Đến thời điểm 2014, toàn tỉnh Thái Bình xây dựng được 2.099 mô hình với 10 loại. Đáng kể nhất là mô hình “xứ đạo 4 gương mẫu”. Mô hình được gắn với cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” đem lại hiệu năng lớn. Toàn tỉnh Thái Bình có 194 giáo xứ, giáo họ đạt tiêu chuẩn “xứ đạo 4 gương mẫu”.

Trên lĩnh vực phát triển kinh tế, giáo dân thay đổi tư duy, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển gia trại, trang trại, nuôi trồng thủy, hải sản, mở các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ... Từ đó xuất hiện ngày càng nhiều hộ có thu nhập cao.

Trên con đường vận hành theo đường hướng gắn bó, đồng hành cùng dân tộc của Giáo phận Thái Bình, các nam, nữ tu sĩ trong các dòng tu không đứng ngoài cuộc. Là người tu hành “hiến dâng và phục vụ”, các dòng tu ở Thái Bình có vai trò quan trọng trong hoạt động từ thiện nhân đạo và các hoạt động bác ái - xã hội. Các dòng tu nữ quan tâm đến những người thiếu may mắn, mở lớp dạy nghề miễn phí, làm

trung gian cấp học bổng cho các em nghèo hiếu học, mở các phòng khám miễn phí, đồng hành cùng các bệnh nhân ở trại phong Vân Môn.

Như vậy, đường hướng gắn bó, đồng hành cùng dân tộc ở Giáo phận Thái Bình nhận được sự tham gia từ giám mục, hàng giáo sĩ, giáo dân đến bậc tu trì. Những gì đã đạt được trong thời gian qua tạo sức bật cho cộng đồng Dân Chúa của Giáo phận tiếp tục đóng góp nhiều hơn nữa cho đạo và đời.

5. Kết luận

Trong khuôn khổ của bài viết, chúng tôi chỉ tập trung đề cập 04 đặc điểm của Giáo phận Thái Bình. Bốn đặc điểm trên vừa có những nét chung của các giáo phận thuộc dòng Đa Minh cai quản lại vừa có những nét riêng đặc thù. Những nét đặc thù một mặt làm cho Giáo phận Thái Bình không bị lẫn với các giáo phận khác, mặt khác làm phong phú về tổ chức giáo xứ, giáo họ, về đời sống tôn giáo và về đường hướng gắn bó, đồng hành cùng dân tộc.

“Một số đặc điểm của Giáo phận Thái Bình” còn cho thấy, tuy là một tôn giáo có tổ chức chặt chẽ, thống nhất về thực hành nghi lễ, nhưng Công giáo khi truyền bá vào Việt Nam không chỉ bị chi phối bởi các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam mà còn bị chi phối bởi các giá trị văn hóa vùng miền. Chính điều này là tác nhân tạo nên sự đa dạng về đời sống tôn giáo, cách thức quản lý giáo xứ, giáo họ của Công giáo ở Việt Nam./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Nguyễn Hồng Dương (2016), *Những nẻo đường phúc âm hóa Công giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 352.
- 2 *Từ điển Công giáo* (1986), Roma: 205.
- 3 Đào Trung Hiệu (1993), *Cuộc lữ hành đức tin*, Tập 2, UBĐKCG, Tp. Hồ Chí Minh, in rônêô: 197.
- 4 Nguyễn Hồng Dương (2016), Sdd: 351-352.
- 5 *Sứ ký địa phận Trung* (1916), in tại Phú Nhai đường: 141.
- 6 *Sứ ký địa phận Trung* (1916), Sdd: 179.
- 7 *Sứ ký địa phận Trung* (1916), Sdd: 211.
- 8 *Sứ ký địa phận Trung* (1916), Sdd: 210.
- 9 *Sứ ký địa phận Trung* (1916), Sdd: 18.
- 10 Nguyễn Hồng Dương (2016), Sdd: 279.
- 11 Nguyễn Hồng Dương (2016), Sdd: 279.

- 12 *Sách thuật lại các Thư chung địa phận Tây Đàng Ngoài*, in tại Kê Sờ, 1908: 83.
- 13 *Chỉ Nam Giáo phận Thái Bình*, Tòa Giám mục Thái Bình, 2010: 104-106.
- 14 Nguyễn Hồng Dương (2016), Sdd: 349-371.
- 15 Nguyễn Hồng Dương (1995), “Nghĩ thức tế giao thừa ở Nhà thờ Công giáo”, *Văn hóa dân gian*, số 2.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Bá Cần (2008), *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, 2 tập, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
2. Nguyễn Hồng Dương (2016), *Những nẻo đường phúc âm hóa Công giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Giáo phận Thái Bình, *Chỉ nam Giáo phận Thái Bình*, Tòa Giám mục Thái Bình.
4. Đào Trung Hiệu (1993), *Cuộc lữ hành đức tin*, tập 2, UBĐKCG Tp. Hồ Chí Minh, in rônêô.
5. *Sử ký địa phận Trung*, in tại Phú Nhai đường, 1916.
6. *Từ điển Công giáo*, Roma, 1986.
7. *Sách thuật lại các Thư chung địa phận Tây Đàng Ngoài*, in tại Kê Sờ 1908.
8. Tòa Giám mục Giáo phận Thái Bình (1996), *Kỷ yếu Năm Thánh Giáo phận Thái Bình*, Nxb. Hà Nội.
9. Tòa Giám mục Giáo phận Thái Bình (2011), *Kỷ yếu Năm Thánh Giáo phận Thái Bình*, Nxb. Hà Nội.
10. Văn phòng Caritas Thái Bình (2011), *Báo cáo tổng kết của Caritas Thái Bình*, Thái Bình.

Abstract

SOME CHARACTERISTICS OF THAI BINH DIOCESE OF VIETNAM CATHOLIC CHURCH

Thai Binh Diocese was established late in comparison with the other dioceses of the Archdiocese of Hanoi. Before splitting into their own diocese (1936), the territory of Thai Binh Diocese today belonged to the Đông Đàng Ngoài Diocese (1679), the Diocese of Trung (1848), then renamed to Bùi Chu Diocese (1924). Thai Binh Diocese was one of the dioceses which were ruled by the Dominican Order until 1954. Dominican missionaries created some features for Thai Binh Diocese such as parish, sub-parish organization, religious life. The article also mentions characteristic of becoming fond of the nation of Thai Binh Diocese in the new period.

Keywords: Dominican Order, parish, sub-parish organization, religious life, religious practice.